

Bài 17

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1945-1975)

**I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP
MỸ (1945-1954)**

1. Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chuẩn bị kháng chiến trong cả nước (1945-1946)

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền nhân dân vừa mới được thành lập đã phải đương đầu với những khó khăn, thử thách rất nghiêm trọng. Đất nước bị các thế lực đế quốc, phản động bao vây và chống phá quyết liệt.

Đầu tháng 9-1945, theo thoả thuận của Đồng minh ở Hội nghị Potsdam, gần 20 vạn quân của Chính phủ Trung Hoa dân quốc Tưởng Giới Thạch ồ ạt kéo vào phía bắc vĩ tuyến 16 nước ta làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Theo chúng là lực lượng tay sai phản động trong hai tổ chức "Việt quốc" (Việt Nam Quốc dân Đảng) và "Việt cách" (Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội).

Phía nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật đã đồng loa và tiếp tay cho thực dân Pháp quay lại Đông Dương.

Trên đất nước ta lúc đó còn có khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp. Một số quân Nhật đã thực hiện lệnh của quân Anh, cầm súng cùng với quân Anh dọn đường cho quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng ở miền Nam.

Trong lúc đó, ta còn phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về kinh tế, xã hội. Nạn đói ở miền Bắc do Nhật, Pháp gây ra chưa được khắc phục. Ruộng đất bị bỏ hoang. Công nghiệp đình đốn. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính rất khó khăn, kho bạc chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách. Ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay tư bản Pháp. Quân Tưởng tung tiền quốc tệ và quan kim gây rối loạn thị trường. 95% số dân không biết chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề.

Trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Đất nước bị bao vây bốn phía, vận mệnh dân tộc như "ngàn cân treo sợi tóc".

Sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời đã nêu ra những việc cấp bách nhằm thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*.

Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* nêu ra nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân cả nước ta lúc nay là "củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân"¹.

Trong hoàn cảnh vô cùng phức tạp, bọn đế quốc phản động ra sức ngăn trở, quấy phá, Đảng kiên quyết lãnh đạo, tổ chức cuộc tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 để nhân dân tự mình lựa chọn bầu những đại biểu chân chính của mình vào Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp kỳ thứ nhất đã bầu Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch Chính phủ và trao quyền cho Người lập chính phủ chính thức - Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Tại kỳ họp thứ hai (tháng 11-1946), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Quyền làm chủ nước nhà, quyền và nghĩa vụ của mọi công dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Nhân dân cũng đã khấn trương bầu Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân đã bầu Ủy ban hành chính các cấp.

Đảng chỉ đạo tích cực phát triển các đoàn thể yêu nước. Mặt trận dân tộc thống nhất được mở rộng, đưa đến sự ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (tháng 5-1946), gọi tắt là Liên Việt. Các tổ chức quần chúng được củng cố, mở rộng thêm: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr. 26-27.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... lần lượt ra đời. Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập nhằm đoàn kết những trí thức yêu nước Việt Nam.

Đảng ta coi trọng việc xây dựng và phát triển công cụ bảo vệ chính quyền cách mạng như quân đội, công an. Lực lượng vũ trang tập trung được phát triển về mọi mặt. Cuối năm 1946, lực lượng quân đội thường trực mang tên Quân đội quốc gia Việt Nam có 8 vạn người. Việc vũ trang quần chúng cách mạng, quân sự hoá toàn dân được thực hiện rộng khắp.

Cùng với việc xây dựng chính quyền nhân dân, Đảng và Chính phủ phát động thi đua sản xuất; động viên nhân dân tiết kiệm giúp nhau chống giặc đói; thực hiện bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác của chế độ thực dân; tiến hành tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho nông dân nghèo, chia lại ruộng đất công một cách công bằng, hợp lý; giảm tô 25%, giảm thuế, miễn thuế cho nông dân vùng bị thiên tai; chủ trương cho mở lại các nhà máy do Nhật để lại, tiến hành khai thác mỏ, khuyến khích kinh doanh... Đảng đã động viên nhân dân tự nguyện đóng góp cho công quỹ hàng chục triệu đồng và hàng trăm kilôgam vàng, nền tài chính độc lập từng bước được xây dựng.

Cùng với việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chế độ mới và tổ chức kháng chiến ở miền Nam, Đảng ta đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong

nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế đương đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

Để gạt mũi nhọn tiến công của kẻ thù vào Đảng, ngày 11-11-1945, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, nhưng sự thật là rút vào hoạt động bí mật, giữ vững vai trò lãnh đạo chính quyền và nhân dân. Để phối hợp hoạt động bí mật với công khai, Đảng để một bộ phận công khai dưới danh hiệu *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*.

Những chủ trương, sách lược và biện pháp trên đây đã vô hiệu hoá các hoạt động phá hoại, đẩy lùi từng bước và làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của kẻ thù, bảo đảm cho nhân dân ta tập trung lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Chính quyền nhân dân không những được giữ vững mà còn được củng cố về mọi mặt.

2. Lãnh đạo toàn quốc kháng chiến (1946-1950)

Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tỏ rõ thiện chí, cố gắng làm những việc có thể nhằm đẩy lùi chiến tranh, nhưng với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp thi hành chính sách việc đã rồi, tăng cường khiêu khích và lấn chiếm.

Lịch sử đã đặt dân tộc ta trước một sự lựa chọn mới. Thực tế cho thấy khả năng hoà hoãn không còn. Định đã công khai tuyên bố chúng sẽ hành động vào sáng ngày 20-12-1946 nếu Chính phủ ta khước từ những điểm nêu trong tối hậu thư của chúng. Trong thời điểm lịch sử đó,

Trung ương Đảng đã kịp thời hạ quyết tâm phát động toàn dân kháng chiến và chủ động mở cuộc tổng giao chiến lịch sử trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội vào ngày 20-12-1946 như chúng đã nêu lên trong tối hậu thư gửi cho Chính phủ ta trong những ngày 18, 19. Mệnh lệnh đã được phát đi. Vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, tất cả các chiến trường trong cả nước đồng loạt nổ súng.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Chỉ thị đã nêu rõ: Mục đích của kháng chiến là: "Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập"¹; tính chất của kháng chiến là: "Trường kỳ kháng chiến, toàn diện kháng chiến"²; các chính sách của cuộc kháng chiến là đoàn kết toàn dân, xây dựng thực lực về mọi mặt, đoàn kết quốc tế (cả với nhân dân Pháp) để chống bọn thực dân Pháp phản động. Chỉ thị còn dự đoán về các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến, về chương trình kháng chiến, về cơ quan lãnh đạo kháng chiến, về tuyên truyền trong kháng chiến...

Từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, với tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, quân và dân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ với sự chi viện của cả nước đã chiến

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.150.

đấu ngoan cường chống lại âm mưu *đánh nhanh thắng nhanh* của thực dân Pháp.

Đất nước kịp thời chuyển sang thời chiến và bước đầu triển khai thế trận chiến tranh nhân dân. Các cơ quan Đảng, Chính phủ, Mặt trận... chuyển lên căn cứ địa Việt Bắc. Các cơ quan dân, chính, đảng địa phương cũng về đóng nơi tạm thời an toàn. Hàng vạn đồng bào tản cư vượt qua mọi khó khăn, hoà nhập với nhân dân các địa phương.

Đảng quan tâm lãnh đạo công tác đối ngoại, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến; đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện¹ và cử đoàn đại biểu đi dự các hội nghị quốc tế.

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phải "Phá tan cuộc tấn công mùa Đông của giặc Pháp", trong đó nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta phải làm cho địch thiệt hại nặng nề, giữ vững chính quyền dân chủ, phá vỡ bất cứ chính quyền bù nhìn nào do địch lập nên, về quân sự phải đánh mạnh trên khắp các chiến trường... Trong tái chiến phải biết giữ gìn chủ lực của ta và phải nhằm vào chỗ yếu của địch mà đánh...

Thực hiện Chỉ thị của Đảng và căn cứ vào thực tế chiến trường, với lối đánh mưu trí linh hoạt, chúng ta đã căng địch ra trên một không gian rộng, chia cắt các mũi

1. Nay là Mianma (BT).

tiến công của chúng, lợi dụng địa hình hiểm trở phục kích, đánh chặn tiêu hao, tiêu diệt quân địch. Phối hợp với cuộc chiến đấu của quân và dân Việt Bắc, chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian được đẩy mạnh ở vùng sau lưng địch trên phạm vi cả nước.

Trải qua 75 ngày đêm chiến đấu (từ ngày 7-10 đến ngày 21-12-1947), quân và dân ta ở Việt Bắc đã loại khỏi vòng chiến đấu 7.000 tên địch, phá huỷ hàng trăm xe ô tô thiết giáp, đánh chìm 16 ca nô, tàu chiến và thu được nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng. Cơ quan lãnh đạo kháng chiến được bảo vệ an toàn. Căn cứ địa Việt Bắc trải qua thử thách đã đứng vững. Bộ đội chủ lực, dân quân, du kích được tôi luyện và trưởng thành. Đảng ta có thêm kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh.

Thắng lợi của cuộc phản công lớn ở Việt Bắc là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, làm phá sản chiến lược "*đánh nhanh, thắng nhanh*" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947, tình hình quốc tế có những chuyển biến lớn ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Á - Âu giành nhiều thắng lợi trong việc xây dựng đất nước. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở châu Á, châu Phi và Trung Cận Đông. Đế quốc Mỹ thực hiện kế hoạch Mácsan với âm mưu vừa vức dậy, vừa

khống chế các nước Tây Âu. Tại Pháp, cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài; thất bại bước đầu trong chiến tranh ở Đông Dương làm cho Pháp thêm khó khăn. Phong trào phản chiến của nhân dân Pháp phát triển.

Bị thất bại trong chiến lược *"đánh nhanh, thắng nhanh"*, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng sang *"đánh lâu dài"* với âm mưu *"lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt trị người Việt"*. Chúng ráo riết bình định vùng tạm chiếm, đẩy mạnh xây dựng chính phủ bù nhìn, mở rộng nguy quân (năm 1948, có 8 vạn nguy binh, chiếm gần 50% tổng số quân định).

Nhận định đúng tình hình sau chiến thắng Việt Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng (tháng 1-1948) đã đề ra nhiệm vụ và các biện pháp về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa nhằm thúc đẩy kháng chiến tiến lên giai đoạn mới. Đảng chú trọng đẩy mạnh chiến tranh du kích, coi *"Du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ"*; củng cố khối đoàn kết toàn dân, chống âm mưu *"dùng người Việt trị người Việt"*; phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tịch thu ruộng đất của bọn phản quốc cấp cho dân nghèo, thực hiện giảm tô, chia lại công điền; phát triển văn hóa, giáo dục; tăng cường công tác xây dựng Đảng. Tháng 1-1949, Hội nghị cán bộ Trung ương chủ trương *tích cực cầm cự, chuẩn bị chuyển sang tổng phản công*.

Để thúc đẩy việc hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

ngày 27-3-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phát động phong trào *thi đua ái quốc*. Hướng thi đua chủ yếu là tăng gia sản xuất và luyện quân lập công.

Thực hiện chủ trương của Đảng, hàng nghìn cán bộ, hàng trăm đại đội độc lập và đội xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền đã được tăng cường vào vùng tạm bị chiếm. Phong trào chống thuế, chống bắt phu, bắt lính, trừ gian... nổi dậy đồng loạt ở nhiều nơi vùng sau lưng địch phát triển thành phong trào *tổng phá tề* rầm rộ. Chính quyền bù nhìn bị tan vỡ từng mảng. Chính quyền cách mạng được lập lại ở nhiều nơi với những hình thức thích hợp.

Phong trào nổi dậy của quần chúng kết hợp chặt chẽ với các cuộc tiến công quân sự của dân quân, du kích và bộ đội chủ lực. Nhiều làng chiến đấu được thành lập và đương đầu có hiệu quả với các cuộc càn phá ác liệt của địch (như: Cự Nẫm, Cảnh Dương, Xuân Bồ, Vật Lại, Chi Lăng, Điện Tiến...). Các tiểu đoàn tập trung tập dượt đánh chính quy, giành chiến thắng ở một số nơi (như: Bắc Kạn, Lạng Sơn, Trà Vinh, sông Lô...).

Để tăng cường xây dựng bộ đội chủ lực, tháng 11-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Hàng vạn thanh niên náo nức tòng quân, đưa quân số lên 23 vạn người. Đầu năm 1950, hai đại đoàn chủ lực và nhiều trung đoàn chủ lực của Bộ Tổng Tư lệnh và của các quân khu ra đời.

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Đảng lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Về dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, thay mặt cho hơn 73 vạn đảng viên¹.

Đây là Đại hội Đảng được tổ chức lần đầu tiên ở trong nước trong điều kiện mới: Sự hình thành và lớn mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho hòa bình và cách mạng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp vào Đông Dương, vừa giúp đỡ Pháp, vừa tìm cơ hội để hất cẳng Pháp. Thực tiễn của cuộc kháng chiến đang đòi hỏi Đảng phải ra công khai để lãnh đạo kháng chiến.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào,

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.12, tr. 481.

Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II đánh dấu sự trưởng thành của Đảng ta về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, ngày 28-6-1951, Đảng bộ Campuchia họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia và bầu ra Ban Lãnh đạo của Đảng do Sơn Ngọc Minh đứng đầu. Đảng bộ Lào đã tích cực chuẩn bị và đến ngày 22-3-1953 mới họp Đại hội và quyết định lập Đảng Nhân dân Lào (sau đổi là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào) do Cayxôn Phômvihản làm Tổng Bí thư.

Sau Đại hội, Đảng ta đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Ban Chấp hành Trung ương (khoá II) đã tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề do yêu cầu thực tiễn đặt ra trên tất cả các mặt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Đảng đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết, ra sức phát triển lực lượng về mọi mặt, củng cố hậu phương, phát triển cuộc đấu tranh trong vùng địch chiếm đóng và mở nhiều cuộc tiến công quân sự trên khắp các chiến trường.

Đảng chủ trương vũ trang toàn bộ và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt (quân dân du kích,

bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực), chú trọng chất lượng, đồng thời chú ý nâng cao giác ngộ giai cấp trong lực lượng; nâng cao sự hiểu biết về đường lối kháng chiến, trình độ kỹ thuật, chiến thuật. Quân đội được tăng cường vũ khí, đạn dược, thuốc men.

Phong trào đấu tranh ở vùng sau lưng địch tiếp tục phát triển với nhiều hình thức phong phú; đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh vũ trang, vừa tiến công địch vừa chống địch càn quét. Các chiến dịch lớn của các đơn vị chủ lực đã động viên, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta vùng sau lưng địch.

Về *xây dựng Đảng*, cuộc vận động chỉnh Đảng trong hai năm 1952, 1953 giúp cho cán bộ, đảng viên quán triệt thêm đường lối cách mạng và quan điểm kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính; khắc phục một bước những lệch lạc "tả" khuynh, hữu khuynh.

Để cứu vãn tình thế sau thất bại ở Chiến dịch Biên giới, bọn hiếu chiến Pháp phải dựa vào sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ. Lợi dụng tình thế đó, đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương, vừa giúp Pháp, vừa tìm cơ hội để hất cẳng Pháp. Chỉ riêng về ngân sách chiến tranh, viện trợ của Mỹ tăng dần từ 20% (1950) lên 50% (1952) và 80% (1954). Có thêm sự trợ giúp của Mỹ, bọn hiếu chiến Pháp tìm mọi cách tăng thêm quân số, xây dựng thêm nhiều binh đoàn cơ động mạnh, liên tục thay tổng tư lệnh quân đội viễn chinh ở Đông Dương, thực hiện nhiều kế hoạch phiêu lưu quân sự.

Với thế chủ động trên chiến trường, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch: Chiến dịch Trung du (tháng 12-1950), Chiến dịch đường 18 (tháng 3-1951), Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (tháng 5-1951)... Tháng 10-1951, quân Pháp mở cuộc hành binh đánh chiếm thị xã Hòa Bình, hòng giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính. Tận dụng cơ hội này, quân ta đã bao vây, tiến công chia cắt đồng thời đưa một bộ phận bộ đội chủ lực tiến vào sau lưng địch ở đồng bằng và trung du Bắc Bộ để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá ngụy quyền, củng cố chính quyền nhân dân. Những đòn tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và chiến tranh du kích đã phát triển lên một bước mới. Cuối tháng 2-1952, địch buộc phải rút chạy khỏi Hòa Bình. Chiến dịch Hòa Bình kết thúc thắng lợi. Ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, mở rộng khu căn cứ du kích liên hoàn từ Bắc Giang, Quảng Yên, Kiến An, Thái Bình đến Ninh Bình, Hà Nam, Hà Đông. Âm mưu giành lại thế chủ động của Pháp trên chiến trường chính bị thất bại hoàn toàn.

Những thắng lợi to lớn và toàn diện của quân và dân ta từ sau Đại hội lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã làm thay đổi lớn về lực và thế của ta, tạo điều kiện để quân và dân ta bước vào giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

Sự sa lầy của Pháp ở Đông Dương càng tạo điều kiện cho Mỹ can thiệp sâu và tìm cách gạt Pháp. Tuy nhiên, cả hai bên thực dân đều muốn tìm giải pháp mới hòng đảo ngược tình thế trên chiến trường. Tướng Nava (Navarre) được điều sang Đông Dương để thực hiện mưu đồ đó.

Nava vạch ra kế hoạch tác chiến gồm hai bước:

Bước một (từ thu - đông năm 1953 và xuân năm 1954): Phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, bình định miền Nam, xoá bỏ vùng tự do Liên khu V.

Bước hai (từ mùa thu năm 1954): Tiến công chiến lược miền Bắc, từ thắng lợi quyết định về quân sự buộc ta đàm phán theo điều kiện có lợi cho Pháp.

Muốn thực hiện ý đồ đó, điều quan trọng nhất là phải tập trung khối cơ động mạnh mới có thể giành thắng lợi với ta trong trận quyết chiến chiến lược.

Từ mùa hè năm 1953, Nava bắt đầu thực hiện bước thứ nhất. Địch mở liên tiếp nhiều cuộc hành quân trên các chiến trường và ra sức tập trung lực lượng cơ động. Cuối năm 1953, Nava đã tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn.

Phối hợp với đòn tiến công của các đại đoàn chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích liên tục mở nhiều đòn tiến công dồn dập như mặt trận đường số 5, tập kích sân bay Cát Bà, Đồ Sơn, Gia Lâm, Tân Sơn Nhất, mặt trận đường số 9, mặt trận ở Liên khu V, mặt trận ở Nam Bộ,...

Như vậy, trước khi trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ mở màn, qua mấy tháng đấu trí, đấu lực ở giai đoạn đầu của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, địch đã hoàn toàn bị động chiến lược. Trong khi đó, thế trận chiến tranh nhân dân của ta đã phát triển và lớn mạnh chưa từng có.

Là sản phẩm của thế bị động, nhưng thực dân Pháp được Mỹ giúp sức đã nhanh chóng biến Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm rất mạnh. Địch có 16.200 quân, bao

gồm lực lượng bộ binh tương đương khoảng 14 tiểu đoàn, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đại đội xe vận tải, một liên đội 12 máy bay. Tập đoàn Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm để kháng mạnh với 3 phân khu liên hoàn. Các tướng lĩnh và chính khách cả Pháp và Mỹ tin chắc Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm".

Tổng số bộ đội của ta tham gia chiến dịch khoảng 55.000 người, gồm 5 đại đoàn (308, 312, 316, 304, 351) cùng các tiểu đoàn thuộc đơn vị công binh, vận tải, thông tin, quân y phối thuộc.

Lực lượng phục vụ chiến dịch có 260.000 dân công hỏa tuyến, hơn 600 xe ô tô, 20.000 xe đạp thồ và 11.800 thuyền. Hàng chục tấn đạn dược, gần 3 vạn tấn gạo từ hậu phương được dồn ra mặt trận.

13 giờ ngày 13-3-1954, quân ta nổ súng tiến công Điện Biên Phủ.

Đây là chiến dịch lớn nhất trong lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân cả nước: Lực lượng bộ đội được huy động đông nhất, với trang bị hiện đại nhất lúc đó; tiến hành chiến dịch liên tục, dài ngày, bao gồm một loạt trận đánh công kiên; kết hợp cường tập, mật tập, vây lấn; ưu thế binh lực trong từng trận đánh nói riêng và toàn bộ chiến dịch nói chung, ta mạnh hơn địch nhiều lần.

Sau 3 đợt tiến công đến ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của địch hoàn toàn bị tiêu diệt, 16.200 tên, kể cả Bộ Chỉ huy mặt trận của địch bị tiêu diệt hoặc bị bắt sống. Toàn bộ kho tàng, vũ khí của địch bị thu hoặc bị phá hủy, 57 máy bay địch bị bắn rơi.

Trong khi bộ đội tiến hành Chiến dịch Điện Biên Phủ, quân và dân cả nước đã phối hợp nhịp nhàng, tiến công địch khắp nơi. Những thắng lợi từ mặt trận chính đội về đã thúc đẩy cuộc chiến đấu ở các địa phương phát triển. Ngược lại, cuộc chiến đấu và chiến thắng của chiến trường cả nước càng làm cho quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ thêm cô lập, tuyệt vọng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là kết quả trực tiếp, cao nhất của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954 và là đỉnh cao của 9 năm kháng chiến thần thánh của dân tộc ta. Chiến thắng lịch sử này đã tạo điều kiện căn bản cho cuộc đấu tranh ngoại giao thắng lợi.

Một ngày sau khi Pháp thất thủ ở Điện Biên Phủ, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh họp ở Giơnevơ đã bắt đầu bàn về vấn đề Đông Dương. Hội nghị có đại diện của 9 nước Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Mỹ, Anh, Campuchia, Lào, đại diện của chính quyền Bảo Đại và đoàn đại biểu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Phạm Văn Đồng dẫn đầu.

Đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố lập trường trước sau như một của nhân dân Việt Nam là lập lại hoà bình ở Đông Dương phải là một giải pháp toàn bộ về chính trị và quân sự cho cả ba nước Đông Dương, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

Do tương quan so sánh lực lượng trên phạm vi thế giới và khu vực, do so sánh lực lượng trực tiếp giữa ta và địch trên chiến trường, do lợi ích của các nước khi tham gia hội nghị, nên cuộc đấu tranh tại bàn đàm phán diễn ra rất gay

go, phức tạp. Cuối cùng, ngày 21-7-1954, các hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào và Campuchia được ký kết. Bản tuyên bố cuối cùng về lập lại hoà bình ở Đông Dương được các nước tham dự hội nghị cam kết chính thức chấp nhận. Đại diện Chính phủ Mỹ ra tuyên bố riêng thừa nhận Hiệp định.

Hiệp định Giơnevơ đã góp phần cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ chấm dứt chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương. Miền Bắc nước ta được giải phóng, có điều kiện xây dựng trong hòa bình, làm cơ sở cho sự nghiệp giải phóng miền Nam sau này.

Ngày 22-7-1954. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước: "Đấu tranh để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ"¹. Người khẳng định: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của nước ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"².

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)

1. Đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.322.

can thiệp Mỹ do Đảng lãnh đạo đã giành được thắng lợi, song sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước vẫn chưa hoàn thành. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, song miền Nam vẫn còn dưới ách thống trị của thực dân và tay sai. Đất nước tạm thời bị chia làm hai miền.

Ở miền Bắc, mặc dù thực dân Pháp rất ngoan cố, nhưng do tinh thần đấu tranh kiên quyết của nhân dân ta, nên đến ngày 10-10-1954 tên lính Pháp cuối cùng đã rút khỏi Hà Nội và ngày 16-5-1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp đã phải rút khỏi miền Bắc. Ngay sau khi hòa bình lập lại, nhân dân miền Bắc khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ còn lại của cách mạng dân tộc dân chủ nhằm tạo tiền đề đưa miền Bắc từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào để thay chân Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ.

Để thực hiện âm mưu nói trên, trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ngày 7-7-1954, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng Chính phủ bù nhìn thay Bửu Lộc. Ngày 17-7-1955, theo chỉ đạo của Mỹ, Diệm tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và ngày 23-10-1955, đã tổ chức cái gọi là "trưng cầu dân ý" để phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống.

Sau khi dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, Mỹ - Diệm đã liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét để bình định miền Nam, áp đặt chế độ thực dân kiểu mới, chia cắt lâu dài đất nước ta. Thực chất, đây là một cuộc chiến tranh đơn phương đẫm máu chống lại nhân dân miền Nam trong tay không có vũ khí. Với chính sách "tố cộng", "diệt cộng", loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật để trừng trị và với khẩu hiệu "thà giết nhầm hơn bỏ sót", chúng thẳng tay đàn áp tất cả các lực lượng chống đối. Chỉ tính đến cuối năm 1955, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng đã bị bắt và bị giết hại.

Đứng trước những biến đổi phức tạp nêu trên, lịch sử lại đặt cho Đảng ta một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Xuất phát từ việc nhận thức sâu sắc tình hình thế giới và đặc điểm cơ bản của tình hình đất nước sau tháng 7-1954, qua nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng đã từng bước hình thành.

Sau khi hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng. Tuy nhiên, miền Bắc bước vào khôi phục kinh tế trong điều kiện có nhiều khó khăn: 143.000 ha ruộng đất bị bỏ hoang, hàng trăm ngàn gia đình không có nhà ở, hàng chục vạn người không có việc làm, nhiều tệ nạn do xã hội cũ để lại còn hoành hành, phần lớn xí nghiệp

ngừng hoạt động, hàng hoá khan hiếm. Nhiệm vụ trước mắt là tiếp quản những vùng giải phóng theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Việc tiếp quản đó bước đầu thuận lợi, nhân dân ta đã làm chủ hoàn toàn Thủ đô Hà Nội từ ngày 10-10-1954. Hướng đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Bắc thời kỳ này là chống âm mưu của địch dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào ta di cư vào Nam. Trong hoạt động này, do chậm phát hiện và chưa thấy hết âm mưu thâm độc của Mỹ - Pháp nên gần một triệu người miền Bắc đã bị cưỡng ép di cư vào Nam.

Xuất phát từ tình hình trên, Đảng chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng từng bước được hình thành và phát triển.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau chín năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3-1955) và lần thứ tám (tháng 8-1955) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống

nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, *điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc*, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Để củng cố miền Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ rõ: *trước hết, cần hoàn thành cải cách ruộng đất, chia ruộng đất cho nông dân, xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ; đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội; kiện toàn lãnh đạo các cấp và củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất.*

Hội nghị xác định cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh; chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Lấy cải tạo làm trọng tâm nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố chế độ dân chủ nhân dân. Xây dựng, củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Nắm vững âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương, nên ngay trước ngày ký Hiệp định Giơnevơ, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954, đã chỉ rõ: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ"¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.15, tr.172.

Ngày 22-7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và cán bộ chiến sĩ cả nước: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"¹.

Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9-1954 nêu rõ: Đế quốc Mỹ và tay sai đang mưu tính, phá hoại Hiệp định Giơnevơ nhằm chia cắt lâu dài Việt Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn mới là: *"lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ,... cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta"*².

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, làm Bí thư.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, tr.322.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.308.

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*. Bản *Đường lối cách mạng miền Nam* được đưa ra thảo luận tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ, họp vào tháng 12-1956.

Tháng 12-1957, tại Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, nước ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ cách mạng nói trên đều quan trọng, coi nhẹ một nhiệm vụ nào cũng đều sai lầm.

Tháng 1-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng). Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam; Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đó là con đường lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam¹.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.20, tr.57-92.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Tới dự có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Gần 20 đoàn đại biểu quốc tế đến dự Đại hội.

Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: *"Đại hội này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"*¹. _

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về *Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới*, gồm những vấn đề lớn sau đây:

Về đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

Trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr. 198.

Đại hội còn xác định vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp, lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

2. Thực hiện các kế hoạch nhà nước ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ và tay sai ở miền Nam (1954-1965)

Ngay sau khi hòa bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khôi phục kinh tế và hoàn thành cải cách ruộng đất. Ngay từ những ngày đầu được giải phóng,

cùng với quá trình khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc là tiếp quản những vùng địch tạm chiếm theo quy định của Hiệp định Giơnevơ. Việc tiếp quản diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân. Ở nhiều địa phương, Pháp và tay sai đã tung tin bịa đặt để gây hoang mang, kích động dân chúng, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên Chúa rời bỏ nhà cửa, ruộng vườn di cư vào Nam. Có nơi chúng đã cung cấp tiền của, phương tiện cho bọn phản động gây rối trật tự trị an như ở Bùi Chu (Nam Định), Phát Diệm (Ninh Bình), gây bạo loạn ở Ba Làng (Thanh Hóa), Quỳnh Lưu (Nghệ An). Đây là cuộc đấu tranh chính trị sâu sắc, nhưng lãnh đạo Đảng và chính quyền nhiều địa phương chưa thấy hết được tính chất phức tạp và cấp bách của nó, do đó đã không có những chủ trương, biện pháp đối phó kịp thời, thậm chí có nơi đã không dám trấn áp bọn phản động cầm đầu, sợ vi phạm Hiệp định Giơnevơ. Đảng ta đã phê phán những sai lầm đó và thành lập các ban chỉ đạo chống cưỡng ép dân di cư. Đồng thời, để ổn định tình hình, nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước được ban hành kịp thời trong thời gian này như: chính sách đối với tôn giáo; chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch; chính sách đối với ngụy quân. Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn huy động hàng vạn cán bộ, bộ đội đến giúp đỡ các địa phương,

tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư nhằm ổn định tình hình.

Sau chiến tranh, nền kinh tế miền Bắc gặp nhiều khó khăn, việc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã được khẩn trương thực hiện. Cụ thể là:

Trong khôi phục kinh tế, Đảng đặt trọng tâm là sản xuất nông nghiệp. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp được khôi phục và phát triển, nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, kết quả này góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà máy mới được xây dựng.

Trong quá trình khôi phục kinh tế, Đảng hết sức coi trọng thành phần kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện cho thành phần này dần dần giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Giao thông vận tải nhanh chóng được phục hồi, mọi hoạt động kinh tế ở miền Bắc đã ổn định. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng và củng cố, đã phát huy được hiệu lực trong việc

hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế và trong việc đập tan mọi âm mưu và thủ đoạn của bọn phản động chống đối chế độ mới.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Để bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa hẳn vào bản cố nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo.

Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã ở miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc nước ta đến đây bị xóa bỏ hoàn toàn. 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là do chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau khi được hoàn toàn giải phóng. Do đó, trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam; trong chỉnh đốn tổ chức đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến xử lý oan những

cán bộ, đảng viên tốt. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 9-1956) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng và tiến hành sửa sai một cách kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Cuối năm 1957, công cuộc khôi phục kinh tế đã vượt chỉ tiêu đặt ra. Các xí nghiệp quan trọng được phục hồi và tăng thêm thiết bị, một số xí nghiệp mới được xây dựng; mọi hoạt động kinh tế ở miền Bắc ổn định. Các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế phát triển nhanh; nông nghiệp đã vượt mức năm 1939; hệ thống đoàn thể từ Trung ương đến địa phương được củng cố và xây dựng (tháng 9-1955, Mặt trận dân tộc thống nhất được đổi tên thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Trên cơ sở thắng lợi của kế hoạch khôi phục kinh tế, Đảng đã tổ chức thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960).

Trong cải tạo tiểu thủ công nghiệp và những người buôn bán nhỏ, Đảng và Nhà nước chỉ đạo tiến hành theo các hình thức tổ chức hợp tác khác nhau. Sau hai năm, ngành thủ công nghiệp đã xây dựng được 45.000 hợp tác xã, thu hút 75% thợ thủ công ở thành thị và nông thôn,

bước đầu tăng thêm đầu tư thiết bị, cải tiến kỹ thuật. Tuy nhiên, ở đây cũng có thể nhận thấy những hạn chế tương tự như trong phong trào hợp tác hoá.

Ngoài ra, việc phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân đã rất được coi trọng. Năm 1960, cứ 100 người dân có 18 người đi học (năm 1939 chỉ có 3 người), số giường bệnh tăng lên 2 lần.

Sau khi miền Bắc hoàn thành kế hoạch ba năm (1958-1960), Đảng lãnh đạo Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa), trong ngành Giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "Ba nhất", v.v..

Đặc biệt, phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt" theo Lời kêu

gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3-1964 khi đế quốc Mỹ leo thang mở rộng chiến tranh ở miền Nam đã làm tăng thêm không khí phấn khởi, hăng hái vươn lên hoàn thành Kế hoạch năm năm lần thứ nhất.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt được những thành tựu to lớn. Trong nông nghiệp, năm 1961 sản lượng lương thực miền Bắc đạt 5,8 triệu tấn, tăng 8,8% so với năm 1960. Đến năm 1965, 88,8% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã nông nghiệp. Nông nghiệp miền Bắc phát triển tương đối toàn diện, bảo đảm cho miền Bắc ổn định về kinh tế - xã hội, phát huy vai trò hậu phương lớn với tiền tuyến lớn.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu nêu trên trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Việc hợp nhất và đưa ôa các hợp tác xã lên bậc cao là chủ quan, nóng vội. Tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và trình độ quản lý của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, cơ sở vật chất nghèo nàn. Tỷ lệ xã viên xin ra khỏi hợp tác xã cao.

Kế hoạch này mới thực hiện được bốn năm thì phải chuyển hướng vì phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất do đế quốc Mỹ gây ra, kể từ ngày 5-8-1964. Mặc dù vậy, những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, "miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người

đều đổi mới"¹. Với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước.

Sau khi hất cẳng Pháp, trực tiếp can thiệp vào miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lập phòng tuyến để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống Đông Nam Á, thiết lập căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện những âm mưu đó, đế quốc Mỹ đã nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền đứng đầu là Ngô Đình Diệm, xây dựng lực lượng quân sự gần nửa triệu người cùng hàng vạn cảnh sát, mật vụ được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ.

Sau khi chuyển quân tập kết ra miền Bắc theo Hiệp định Giơnevơ, tương quan lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam có sự thay đổi lớn: ta tuy có ưu thế về chính trị và lực lượng quần chúng nhân dân đông đảo nhưng không còn lực lượng vũ trang, không còn chính quyền. Trong khi đó, kẻ thù có đủ sức mạnh về kinh tế và quân sự, nắm trong tay cả bộ máy ngụy quân, ngụy quyền đồ sộ. Chúng thẳng tay đàn áp, tiêu diệt phong trào cách mạng, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc này, Đảng đã quyết định thay đổi phương thức đấu tranh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, tr. 224.

quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành Hiệp định, phải tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đòi thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ, chống mọi hành động khủng bố, đàn áp.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng của Đảng, hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập ở miền Nam. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bầu cử lừa bịp, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn dân, đòi công ăn việc làm, chống khủng bố, chống sa thải, chống bắt lính, v.v. được phát triển mạnh mẽ ở cả nông thôn và thành thị với hàng triệu lượt người tham gia.

Trong những năm 1954-1957, do chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm, lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất lớn. Song, nhờ chủ trương chuyển hướng kịp thời của Đảng và với tinh thần kiên định, dũng cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, cách mạng không bị tiêu diệt.

3. Nhân dân cả nước kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975)

Đầu năm 1969, vừa trúng cử tổng thống và chính thức bước vào Nhà Trắng, Níchxơn cho ra đời "Học thuyết Níchxơn", đề ra chiến lược toàn cầu "Ngăn đe thực tế" thay cho chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" của Kennơđi đã bị phá sản trên thế giới và ở Đông Dương. Mỹ thực hiện thí điểm ở các nước Đông Dương chiến lược toàn cầu mới,

đề ra chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", "Lào hoá chiến tranh", "Khơme hoá chiến tranh", và "Đông Dương hoá chiến tranh".

"Việt Nam hoá chiến tranh" của Níchxơn là để thay cho chiến lược chiến tranh cục bộ của Giônxơn đã phá sản, là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ, được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mỹ và vẫn do Mỹ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn quân sự, cung cấp đô la, vũ khí, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

Thực hiện chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu rút dần khỏi chiến tranh, đồng thời tăng cường quân đội tay sai để giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường. Thực chất đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".

Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ là chiến đấu chống lại một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường với lực lượng địch lúc cao nhất trên 1,5 triệu lính nguy, Mỹ, chư hầu (1971), trên địa bàn toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống địch trên chiến trường, vừa đấu tranh với chúng trên bàn đàm phán.

Trong năm đầu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", lực lượng cách mạng có những tổn thất và khó khăn, một mặt do địch gây ra, mặt khác do ta chủ quan trong việc đánh giá âm mưu mới của địch, chậm trễ trong việc đề ra chủ trương, biện pháp đối phó hữu hiệu.

Nhưng những khó khăn đó từng bước được khắc phục, tạo điều kiện cho cách mạng tiếp tục giành thắng lợi. Thắng lợi chính trị mở đầu giai đoạn chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ngày 6-6-1969. Đó là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam Việt Nam. Vừa ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời đã được 23 nước công nhận, trong đó có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

Trong hai năm 1970-1971, quân dân ta ở miền Nam cùng với quân dân hai nước Lào và Campuchia đã giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự, chính trị.

Từ ngày 30-4 đến ngày 30-6-1970, Quân giải phóng miền Nam, có sự phối hợp của quân dân Campuchia, đã chiến đấu dũng cảm, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và ngụy Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 lính Mỹ - ngụy, giải phóng hoàn toàn 5 tỉnh thuộc Đông Bắc Campuchia và phần lớn nông thôn của 10 tỉnh khác, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn với 4,5 triệu dân.

Từ ngày 12-2 đến ngày 23-3-1971, quân dân ta, có sự hỗ trợ và phối hợp chiến đấu của quân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn lính Mỹ - ngụy Sài Gòn mang tên "Lam Sơn - 719" nhằm cắt đứt chiến trường Đông Dương, cắt tuyến chi viện chiến lược của ta. Ta loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 lính Mỹ - ngụy, quét hết quân địch còn lại khỏi

Đường 9 - Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

Trong cùng thời gian chiến thắng ở Đường 9 - Nam Lào, quân tình nguyện của ta cùng với quân dân Campuchia đã đập tan cuộc hành quân mang tên "Toàn thắng 1-71" của 2,3 vạn quân ngụy Sài Gòn dưới sự yểm trợ của không quân Mỹ vào vùng căn cứ của Quân giải phóng ở Đông Bắc Campuchia.

Ở khắp các đô thị miền Nam, phong trào của các tầng lớp nhân dân nổ ra liên tục, mạnh mẽ. Đặc biệt ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, phong trào học sinh, sinh viên đã thu hút đông đảo giới trẻ tham gia. Phong trào tuổi trẻ, học sinh, sinh viên thời kỳ này có vai trò quan trọng, thường là "châm ngòi nổ" cho phong trào chung của các tầng lớp nhân dân thành thị.

Tại các vùng nông thôn, đồng bằng, rừng núi, ven thị, khắp nơi đều có phong trào quần chúng nổi dậy phá "ấp chiến lược", chống chương trình "bình định nông thôn" của địch. Đến đầu năm 1971, cách mạng giành được quyền làm chủ thêm 3.600 ấp với 3 triệu dân. Chính quyền cách mạng cũng đã cấp cho nông dân trên 1,6 triệu héc ta ruộng đất. Trong vùng giải phóng, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, công tác văn hoá, giáo dục, y tế cũng đã đạt được những kết quả quan trọng.

Những thắng lợi quân sự, chính trị trên đây, nhất là thắng lợi ở Đường 9 - Nam Lào và Đông Bắc Campuchia vào nửa đầu năm 1971 đã làm phá sản bước đầu chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến

tranh" của Mỹ, mở ra khả năng thực tế làm phá sản hoàn toàn chiến lược đó.

Trưa 30-3-1972, quân ta bắt đầu cuộc tiến công chiến lược theo kế hoạch của Quân ủy Trung ương. Mở đầu cuộc tiến công, quân ta đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972. Kết quả là sau gần ba tháng chiến đấu (đến cuối tháng 6-1972, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu một lực lượng lớn sinh lực địch, khoảng 25 vạn quân, phá và thu một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh, gồm 636 xe tăng và xe bọc thép, 419 khẩu pháo, 340 máy bay; giải phóng những vùng đất đai rộng lớn với hơn 1 triệu dân. Đó là đòn mạnh mẽ giáng vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.

Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân ngụy có sự yểm trợ tối đa của hỏa lực, không quân và hải quân Mỹ, đã phản công mạnh, gây thiệt hại cho ta. Phối hợp với quân ngụy, chính quyền Níchxơn "Mỹ hoá" trở lại một phần cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam và quay trở lại tiến hành cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc từ ngày 6-4-1972.

Do thất bại ở hai miền nước ta, nhất là sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, Mỹ buộc phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc từ từng phần (ngày 31-3-1968) đến toàn bộ (ngày 1-11-1968), đến bàn hội nghị đàm phán với đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 13-5-1968), và sau đó với đại diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 25-1-1969).

Từ phiên họp đầu tiên (ngày 13-5-1968) đến khi đạt được giải pháp Hiệp định Pari (ngày 27-1-1973), Hội nghị hai bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Mỹ) và bốn bên (Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mỹ, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam và Việt Nam Cộng hoà) ở Pari đã trải qua 202 phiên họp chung công khai và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Trong các phiên họp chung công khai cũng như các cuộc tiếp xúc riêng, phía Việt Nam không bỏ qua bất cứ vấn đề quan trọng nào có liên quan đến cuộc chiến tranh, nhưng tập trung mũi nhọn đấu tranh vào hai vấn đề mấu chốt nhất là đòi Mỹ rút hết quân viễn chinh cùng quân chư hầu khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Phía Mỹ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam và từ chối ký dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (tháng 10-1972) để rồi mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B.52 vào Hà Nội - Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam ký vào dự thảo Hiệp định do chúng đưa ra.

Nhưng Mỹ đã thất bại. Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B.52 của Mỹ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", sau đó buộc Mỹ trở lại ký vào dự thảo Hiệp định Pari do ta đưa ra trước đó.

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam chính thức được ký kết ngày 27-1-1973 tại Pari giữa bốn bên tham dự Hội nghị.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Hội nghị Bộ Chính trị (từ ngày 30-9 đến ngày 7-10-1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975) đã bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Chiến thắng Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch hai năm (1975-1976) hoàn toàn giải phóng miền Nam.

Bộ Chính trị đề ra kế hoạch hai năm, nhưng lại nhấn mạnh "cả năm 1975 là thời cơ" và chỉ rõ "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện "Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa", phải đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá,... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam đã diễn ra trong gần hai tháng mùa Xuân 1975 với ba chiến dịch lớn: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào Sài Gòn.

Sau một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta đã giành toàn thắng trong hai chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, giải phóng hơn nửa đất đai và nửa số dân toàn miền Nam, chiếm giữ một khối lượng lớn vật chất, trang bị, phương tiện chiến tranh. Các lực lượng vũ trang của ta đã trưởng thành nhanh chóng.

Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của địch giảm sút nghiêm trọng, chúng phải lùi về phòng thủ từ Phan Rang trở vào. Mỹ cũng đã hết sức giúp quân ngụy kéo dài cơn hấp hối bằng cách lập cầu hàng không viện trợ khẩn cấp cho chúng.

Về phía ta, thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn cũng được Bộ Chính trị quyết định mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Từ đầu tháng 4, trên mọi miền đất nước, nhân dân sống những ngày giờ hết sức sôi động và hào hứng. Cả dân tộc ta ra quân trong mùa xuân lịch sử với tinh thần "đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và với khí thế "thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng".

Ngày 9-4, quân ta tiến công Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía đông. Tại đây diễn ra những trận chiến ác liệt. Ngày 16-4, toàn bộ quân địch ở Xuân Lộc tháo chạy.

Ngày 18-4, Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn. Ngày 21-4, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức tổng thống.

17 giờ ngày 26-4, quân ta được lệnh nổ súng mở đầu chiến dịch. Tất cả năm cánh quân ta từ các hướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

Ngày 28-4, các trận địa pháo của ta đồng loạt nã đạn vào sân bay Tân Sơn Nhất và chiều hôm đó phi công ta dùng 5 máy bay chiến đấu phản lực A37 thu được của địch mở đợt tập kích vào khu vực chứa máy bay của chúng,

Đêm 28 rạng sáng 29-4, tất cả các cánh quân của ta được lệnh đồng loạt tổng công kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm tất cả các cơ quan đầu não của địch.

9 giờ 30 phút, ngày 30-4, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh, vừa nhậm chức hôm 28-4, kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền" nhằm cứu quân ngụy khỏi sụp đổ.

10 giờ 45 phút ngày 30-4, xe tăng của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, Dương Văn Minh cùng toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn bị bắt sống, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện; 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Thừa thắng, sau khi giải phóng Sài Gòn, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh còn lại ở Nam Bộ nhất tề đứng lên tiến công và nổi dậy theo phương thức "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh". Đến ngày 2-5-1975, Nam Bộ và miền Nam nước ta hoàn toàn giải phóng.